CHỐT TRỤ CÓ LỖ HAI ĐẦU

KÍCH THƯỚC

Штифты цилиндрические с засверленными концами Размеры

Cylindrical pins with drilled ends Dimensions.

TCVN 2038 — 77

Có hiệu lực từ 1-1-1979

1. Tiêu chuẩn này áp dụng cho chốt trụ có lỗ hai đầu, dùng cho mối ghép không tháo được.

2. Kích thước của chốt trụ có lỗ hai đầu phải theo đúng chỉ dẫn trên hình vẽ và trong bảng.

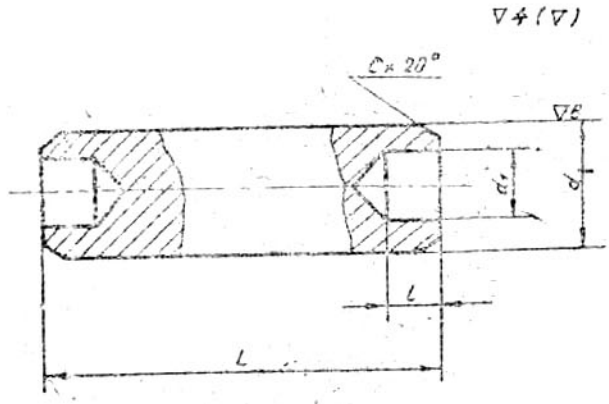

Hình 5

Ví dụ ký hiệu quy ước của chốt trụ có lỗ hai đầu, có đường kính d = 8 *mm*, chiều dài l = 45 *mm*, cấp bền 8 × 8, không mạ phủ:

Chốt trụ 8 × 45 . 88 TCVN 2038 — 77

Cũng như vậy, mạ phủ nhóm 01, chiều dày mạ phủ là 6 μm

Chốt trụ 8 × 45 . 88 . 016 TCVN 2038 — 77

mm

d	2	2,5	3	4	5	6	8	10	12	16	20	25
d_1	1	1,6	2		3	4	5	6	8	11	15	19
l	1,5	1,8	2	2,5	3	4	5	6	8	12	12	14
C	0,4	0,5	0,6	0,7	0,8	1,0	1,2	1,5	1,8	2	2,5	3
L	Khối lượng 1000 cái chốt, *kg*											
6	0,129											
8	0,178	0,288	0,343									
10	0,228	0,365	0,455	0,708								
12	0,271	0,442	0,566	0,902	1,45							
14	0,326	0,520	0,677	1,10	1,76	2,31						
16	0,375	0,597	0,788	1,30	2,07	2,75	4,72					
(18)	0,424	0,674	0,899	1,50	2,37	3,20	5,51					
20	0,474	0,259	1,01	1,69	2,68	3,64	6,30	9,73				
(22)	0,524	0,828	1,12	1,89	2,99	4,08	7,09	10,9				
25		0,944	1,29	2,19	3,45	4,75	8,26	12,8	15,8			
(28)		1,060	1,45	2,48	3,91	5,41	9,46	14,6	18,4			
30			1,56	2,68	4,22	5,86	10,2	15,9	20,2	32,3		
(32)			1,68	2,88	4,53	6,30	11,0	17,3	22,0	35,5		
36				3,17	4,99	6,97	12,2	18,9	24,6	40,2	55,6	
40				3,67	5,76	8,98	14,2	22,0	29,1	48,1	64,4	

mm *(Tiếp theo)*

45					6,53	9,19	16,1	25,1	33,5	56,0	76,8	111
50					7,31	10,3	18,1	28,2	37,9	63,9	88,8	128
55						11,4	20,1	29,3	42,4	71,8	100	147
60						12,5	22,1	34,3	46,8	79,7	112	167
70							26,0	40,5	55,7	95	137	204
80							30,0	46,7	64,6	111	161	242
90								52,8	75,5	127	186	280
100								59,0	82,3	143	210	318
110									91,2	159	231	350
120									100	174	259	394
140									117	206	311	476
160										237	361	553
180										269	410	631
200										301	459	708

Chú thích. Những kích thước trong ngoặc không được dùng cho thiết kế mới

3. Độ đồng trục giữa lỗ và chốt — theo cấp chính xác VII TCVN 384 — 70

4. Sai lệch giới hạn của đường kính d theo h_8 (tức L 14 cũ) TCVN 2245 — 77

5. Sai lệch giới hạn của chiều dài (L, l) theo h_{14} (tức B8 cũ) TCVN 2245 — 77

6. Chốt trụ có lỗ hai đầu được chế tạo từ thép 45 và thép A12.

Cho phép chế tạo chốt trụ có lỗ hai đầu bằng các mác vật liệu khác tùy theo sự thỏa thuận giữa nhà máy chế tạo và khách hàng.

Chú thích. tạm thời dùng theo tiêu chuẩn của Liên xô hay tiêu chuẩn tương ứng của các nước khác cho tới khi ban hành tiêu chuẩn Việt nam về vật liệu.

7. Quy tắc nghiệm thu, bao gói và ghi nhãn theo TCVN 128–63.

8. Kích thước dùng cho mối ghép chốt theo hướng dẫn trong phụ lục của tiêu chuẩn này.

PHỤ LỤC CỦA TCVN 2038 – 77

Kích thước dùng cho mối ghép chốt phải theo đúng chỉ dẫn trên hình vẽ và trong bảng của phụ lục.

Ví dụ áp dụng

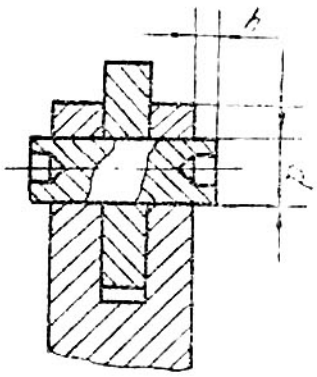

Hình 6

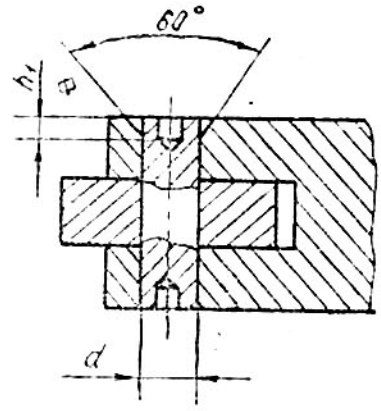

Hình 7

mm

d	2	2,5	3	4	5	6	8	10	12	16	20	25
h không nhỏ hơn	0,5			1		1,5		2		3		4
h1	0,6		1		1,5		2	2,5	3	4	5	6